

Số: 21/KH-THPTHH4

Hiệp Hòa, ngày 23 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm năm học 2021-2022

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 1673/QĐ-UBND, ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Bắc Giang;
- Công văn số 1115/SGDDĐT-GDTrH, GDTX ngày 03/9/2021 của Sở GD&ĐT Bắc Giang V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2021-2022;
- Công văn số 1135/SGDDĐT-TTr, ngày 09/9/2021 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về việc quản lý công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường trên địa bàn tỉnh năm học 2021-2022.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường

2.1. *Đội ngũ Cán bộ, GV, NV*

- Số lượng CB, GV, NV: 73; lãnh đạo: 03; Giáo viên: 68; nhân viên: 02
- Chất lượng: 100% đạt chuẩn đào tạo, trong đó thạc sỹ: 11 (15.06%); số giáo viên được công nhận GVG cấp tỉnh: 04; cấp cơ sở: 47

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2.2. *Cơ sở vật chất*

- Tổng số phòng học: 30
- Tổng số lớp dạy thêm: 30
- Diện tích 01 phòng học thêm: 50m²
- Trang thiết bị trong 01 phòng học, phòng học thêm:
 - + Số lượng, chất lượng bàn, ghế: 23 bàn, 45 ghế.
 - + Số lượng, chất lượng bảng: Đảm bảo.
 - + Số lượng, chất lượng đèn chiếu sáng: 08, đảm bảo ánh sáng.
 - + Tivi kết nối mạng: 01 máy/phòng.
- Số lượng, chất lượng công trình vệ sinh: SL: 10; CL: Tốt

2.3. *Số lượng học sinh đăng kí học thêm từng môn: (Chi tiết tại Phụ lục II)*

II. CÁC NỘI DUNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY THÊM, HỌC THÊM

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Hoạt động dạy thêm, học thêm góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, giáo dục nhân cách của học sinh; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và không gây nên tình trạng vượt quá sức tiếp thu của người học.

1.2. Không cắt giảm nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông chính khóa để đưa vào giờ dạy thêm; không dạy thêm trước những nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông chính khóa.

1.3. Đối tượng học thêm là học sinh có nhu cầu học thêm, tự nguyện học thêm và được gia đình đồng ý; không được dùng bất cứ hình thức nào để ép buộc gia đình học sinh và học sinh học thêm.

1.4. Không tổ chức lớp dạy thêm, học thêm theo các lớp học chính khóa; học sinh trong cùng một lớp dạy thêm, học thêm phải có học lực tương đương nhau; khi xếp học sinh vào các lớp dạy thêm, học thêm phải căn cứ vào học lực của học sinh.

1.5. Không dạy quá số buổi/môn/tuần theo Quyết định 455/2012/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về dạy thêm, học thêm. Không dạy thêm, học thêm vào ngày Chủ nhật, Ngày nghỉ lễ theo Luật Lao động.

2. Đối tượng học thêm: Học sinh các khối lớp: 10,11,12 có nguyện vọng được về rèn kỹ năng sống, củng cố, nâng cao kiến thức văn hóa.

3. Nội dung dạy thêm:

3.1. Nội dung về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng sống:

Nhà trường dự kiến tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh (nếu điều kiện dịch bệnh cho phép). Nội dung dự kiến: Giáo dục kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả, ứng phó với điều kiện dịch bệnh; kỹ năng cần thiết trong thời đại 4.0, sử dụng mạng xã hội; giáo dục các giá trị của tình bạn, tình yêu, giới tính, lựa chọn ngành nghề ...

3.2. Nội dung về dạy văn hóa:

Nhà trường tổ chức ôn tốt nghiệp THPT đối với các em học sinh khối 12; củng cố, bổ sung nâng cao kiến thức, kỹ năng đối với các học sinh khối lớp 10, 11.

4. Thời gian, địa điểm, thời lượng dạy thêm, học thêm trong năm học

4.1. Bồi dưỡng kiến thức về rèn kỹ năng sống: Dự kiến tổ chức nếu điều kiện dịch bệnh cho phép, có báo cáo và văn bản đồng ý của Sở:

TT	Nội dung	Số tiết	Dự kiến thời gian	Hình thức tổ chức
1	Giáo dục kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả, ứng phó với điều kiện dịch bệnh	03	HK I	Tập trung
2	Kỹ năng cần thiết trong thời đại 4.0, sử dụng mạng xã hội	03	HK II	Tập trung
3	Giáo dục các giá trị của tình bạn, tình yêu, giới tính, lựa chọn ngành nghề	03	HK II	Tập trung

4.2. Dạy các môn văn hóa

+ Củng cố và nâng cao kiến thức: bắt đầu thực hiện từ 20/9/2021 đến 6/2022, cụ thể:

Môn/khối	Lớp	Số HS	Tổng tiết ôn	Số buổi (03 tiết/buổi)	Địa điểm học
Ngữ văn 10	Từ 10A4 ->10A10	305	504	168 (3 tiết/buổi)	Tại phòng 10A4 đến 10A10
Toán 10	Từ 10A1 -> 10A10	418	840	280 (3tiết/ buổi)	Tại phòng 10A1 đến 10A10
T. Anh 10	Từ 10A1 -> 10A10	418	840	280 (3tiết/ buổi)	Tại phòng 10A1 đến 10A10
Vật lý 10	Từ 10A1 -> 10A3	113	252	84 (03 tiết/ tuần)	Tại phòng 10A1 đến 10A3
Hóa học 10	Từ 10A1 -> 10A3	113	252	84 (03 tiết/ tuần)	Tại phòng 10A1 đến 10A3
Ngữ văn 11	Từ 11A3 -> 11A10	374	588	196 (3 tiết/buổi)	Tại phòng 11A4 đến 11A10
Toán 11	Từ 11A1 -> 11A10	422	840	280 (3tiết/ buổi)	Tại phòng 11A1 đến 11A10
T. Anh 11	Từ 11A1 -> 11A10	422	840	280 (3tiết/ buổi)	Tại phòng 11A1 đến 11A10
Vật lý 11	Từ 11A1 -> 11A2	88	168	56 (03 tiết/ tuần)	Tại phòng 11A1 và 11A2
Hóa học 11	Từ 11A1 -> 11A2	88	168	56 (03 tiết/ tuần)	Tại phòng 11A1 và 11A2

+ Ôn thi tốt nghiệp THPT: bắt đầu thực hiện từ 21/9/2021 đến 30/6/2022, cụ thể:

Môn/khối	Lớp	Số HS	Số tiết ôn	Số buổi (03 tiết/buổi)	Địa điểm học
Ngữ văn 12	Từ 12A1 -> 12A2	87	90	30 (3 tiết/buổi)	Phòng học 12A1 và 12A2
Ngữ văn 12	Từ 12A3 ->12 A10	329	588	196 (3 tiết/buổi)	Phòng học 12A4 đến 12A10
Tổng văn 12	Từ 12A1 ->12A10	416	678	226 (3 tiết/ buổi)	
Toán 12	Từ 12A1 ->12A10	416	840	280 (3 tiết/ buổi)	Phòng học 12A1 đến 12A10
Tiếng Anh	Từ 12A1 ->12A10	416	840	280 (3 tiết/ buổi)	Phòng học 12A1 đến 12A10
Vật lý 12	Từ 12A1 ->12A2	87	168	56 (3 tiết/ buổi)	Phòng học 12A1 và 12A2
Hóa học 12	Từ 12A1 ->12A2	87	168	56 (3 tiết/ buổi)	Phòng học 12A1 và 12A2
Sinh học 12	Từ 12A1 ->12A2	87	120	40 (3 tiết/ buổi)	Phòng học 12A1 và 12A2
Sử 12	Từ 12A3 ->12A10	329	588	196 (3 tiết/buổi)	Phòng học 12A3 đến 12A10
Địa 12	Từ 12A3 ->12A10	329	588	196 (3 tiết/buổi)	Phòng học 12A3 đến 12A10
GDCD 12	Từ 12A3 ->12A10	329	588	196 (3 tiết/buổi)	Phòng học 12A3 đến 12A10

5. Mức thu và phương án chi

5.1. Mức thu: Do tình hình dịch bệnh COVID-19, để đối phó và chủ động trong việc tổ chức ôn tập, nhà trường đã triển khai và được sự đồng thuận của phụ huynh học sinh về mức thu, cụ thể:

- Dạy TRỰC TIẾP các môn văn hóa lớp 12, môn ôn thi nâng cao lớp 10, 11: Mức thu 7.000đ/tiết;

- Dạy TRỰC TUYẾN các môn văn hóa lớp 12, môn ôn thi nâng cao lớp 10, 11: Mức thu 6.000đ/tiết;

- Dạy thêm TRỰC TIẾP các môn văn hóa đại trà khối 10, 11: 6.000đ/tiết;

- Dạy thêm TRỰC TUYẾN các môn văn hóa đại trà khối 10, 11: 5.000đ/tiết;

5.2. Phương án chi tiền học thêm:

Để chủ động phương án dạy học trong bối cảnh dịch bệnh, nhà trường đã triển khai và nhận được sự thống nhất của CBGV, NV nhà trường về mức chi, cụ thể:

Hình thức dạy học	Nội dung chi	Tỷ lệ chi (%)
Dạy trực tiếp	Chi cho giáo viên dạy	70%
	Chi trả cho công tác quản lý dạy thêm, học thêm, chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất	20%
	Mức chi phúc lợi	10%
Dạy trực tuyến	Chi cho giáo viên dạy	82%
	Chi trả cho công tác quản lý dạy thêm, học thêm, chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất	9%
	Mức chi phúc lợi	9%

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch, quản lý, sử dụng, thu chi tiền dạy thêm, học thêm theo đúng Nghị quyết 10, Quyết định 30 và Công văn số 1135/SGDĐT-TTr, GDTX ngày 09/9/2021 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về việc quản lý công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường trên địa bàn tỉnh năm học 2021-2022.

- Tổ chức, chỉ đạo, phân công các giáo viên dạy thêm; Phê duyệt kế hoạch dạy thêm của giáo viên (theo mẫu tại phụ lục III), đơn xin học thêm của học sinh và phụ huynh (theo mẫu tại phụ lục IV); xét duyệt danh sách giáo viên dạy thêm, phân công giáo viên dạy thêm, sắp xếp thời khóa biểu dạy thêm phù hợp với học lực học sinh.

- Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo việc tiếp nhận đơn xin học thêm của học sinh, tổ chức phân nhóm học sinh theo học lực, phân công giáo viên phụ trách môn học và tổ chức dạy thêm theo nhóm học lực của học sinh.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội quy, quy định về dạy và học thêm của giáo viên, học sinh.

- Quản lý hồ sơ dạy thêm, học thêm: Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm: Theo quy định của Sở GD&ĐT; Hồ sơ chuyên môn: Danh sách người học thêm, bảng phân công người dạy thêm, Thời khóa biểu, Nội quy dạy thêm và học thêm, Sổ ghi đầu bài dạy thêm, học thêm, Sổ điểm danh người học thêm, giáo án dạy thêm; Hồ sơ quản lý tài chính.

2. Tổ trưởng/Nhóm trưởng chuyên môn

- Tổ chức thảo luận, thống nhất nội dung ôn tập bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.

- Phê duyệt kế hoạch ôn tập của giáo viên và nộp lại Ban Giám hiệu trước 20/10/2021; kiểm tra việc thực hiện của giáo viên.

3. Giáo viên dạy thêm

- Giáo viên có nguyện vọng dạy thêm phải có đơn đăng ký dạy thêm (*theo mẫu tại phụ lục V*), trong đơn có cam kết với nhà trường về việc hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của giáo viên theo quy định chung và nhiệm vụ khác do nhà trường phân công, đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

- Giáo viên xây dựng chương trình dạy thêm, kế hoạch ôn tập gửi tổ trưởng chuyên môn/nhóm trưởng chuyên môn để phê duyệt.

- Giáo án dạy thêm bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng, cập nhật dạng bài để lựa chọn nội dung ôn tập cho phù hợp. Nắm bắt được tâm tư nguyện vọng, năng lực nhận thức, nhu cầu của học sinh, từ đó xây dựng nội dung ôn đúng với yêu cầu và sát đối tượng.

- Soạn giảng nghiêm túc theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt; Kiến nghị với nhà trường các vấn đề cần thiết trong quá trình dạy.

- Kết hợp giáo viên chủ nhiệm trong việc tư vấn, quản lý, đôn đốc học sinh học tập.

4. Giáo viên chủ nhiệm

- Khảo sát, lập danh sách học sinh đăng ký học thêm từng môn và nộp đơn xin học thêm của học sinh về bộ phận phụ trách trước 19/9/2021.

- Kết hợp với giáo viên bộ môn tư vấn học sinh đăng ký học thêm, chia lớp.

- Thường xuyên bám lớp và trao đổi với giáo viên bộ môn, phụ huynh học sinh để nắm bắt tình hình học tập, tâm tư nguyện vọng, từ đó có biện pháp giáo dục học sinh cho phù hợp.

- Thu tiền học thêm của học sinh lớp chủ nhiệm nộp về thủ quỹ theo kế hoạch của trường.

5. Nhân viên hành chính

Theo dõi việc dạy thêm, học thêm hàng ngày của trường (kiểm tra, ký sổ đầu bài trực tiếp tại các lớp, tổng hợp số buổi học thêm).

6. Học sinh nhà trường

Học sinh có nguyện vọng học thêm phải viết đơn xin học thêm gửi nhà trường (theo mẫu tại phụ lục IV), cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (gọi chung là cha mẹ học sinh) có con em xin học thêm trực tiếp ký, ghi cam kết với nhà trường về dạy thêm, học thêm vào đơn xin học thêm và chịu trách nhiệm thực hiện cam kết; nộp giáo viên chủ nhiệm.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động dạy thêm, học thêm của trường THPT Hiệp Hòa số 4 năm học 2021-2022 kính trình Phòng GDTrH&GDTX xem xét và thẩm định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng, TTCM, GV;
- Lưu: VT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Thiện

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GDTrH&GDTX¹

¹ Khi duyệt Kế hoạch phải đủ thông tin của phụ lục I, II. Các phụ lục khác phòng chuyên môn kiểm tra tại cơ sở.

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁN BỘ, GIÁO VIÊN NHÀ TRƯỜNG THAM GIA DẠY THÊM

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	Năng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
1	Nguyễn Tuấn Minh	Toán	Đại học	GVG cơ sở	0985498206	CN 12A7, dạy: 12A6, 12A7, 12A8	17	12A6,12A7, 12A8, 11A10	Toán	09 tiết
2	Ngô Trọng Bình	Toán	Đại học	GVG cơ sở	0388530124	TTCM, dạy: 10A1, 10A3, 10A7, 10A9	16	10A1,10A3, 10A7, 10A9	Toán	09 tiết
3	Ngô Thanh Tâm	Toán	Đại học	Khá	0977111694	Dạy: TC: 17	17	Không dạy thêm	Toán	06 tiết
4	Trần Thị Trang Nhung	Toán	Đại học	GVG cơ sở	0961201784	CN 11A1; Dạy: 11A1, 11A2, 12A5; TC: 01	17	11A1, 11A2, 12A5	Toán	09 tiết
5	Nguyễn Thu Thủy	Toán	Đại học	Khá	0988960650	CN 10A10; Dạy: 10A10, 10A5, 10A8	16	10A10, 10A5, 10A8, 11A8	Toán	09 tiết
6	Vũ Thị Nhung	Toán	Thạc sỹ	GVG cơ sở	0374702531	CN 12A10; dạy 12A1, 12A10, 12A4	17	12A1, 12A10, 12A4	Toán	09 tiết
7	Phạm Thị Mơ	Toán	Đại học	GVG cơ sở	0358503988	CN 10A2; Dạy: 10A2, 10A4, 10A6; TC: 01; Con nhỏ: 03	17	10A2, 10A4, 10A6, 11A6	Toán	09 tiết
8	Nguyễn Thành Tuấn	Toán	Đại học	Khá	0985789079	Dạy: 11A6, 11A8; TC: 07	15	Không dạy thêm	Toán	0 tiết
9	Nguyễn Thị Thành	Toán	Đại học	GVG cơ sở	0345321179	Dạy: 11A3, 11A4, 11A5, 11A9	16	11A3,11A4, 11A5, 11A9	Toán	09 tiết

² Tính đúng các tiết dạy trên TKB chính khóa và công tác kiêm nhiệm (VD đ/c Hiệu trưởng có 02 tiết dạy/tuần và 15 tiết làm công tác quản lý/tuần → tổng tiết/tuần = 15)

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	NĂng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
10	Nguyễn Thị Bích Thùy	Toán	Đại học	Khá	0976430669	CN: 12A3; Dạy 12A2, 12A3, 12A9; TC: 01	17	12A2, 12A3, 12A9, 11A7	Toán	09 tiết
11	Lê Văn Dũng	Vật lý	Đại học	Khá	0983484997	Dạy: 10A10, 10A3, 10A4, 10A7, 10A8, 10A9; TC 5 tiết	17	10A3	Vật lý	03 tiết
12	Chu Thị Dạ Ngân	Vật lý	Đại học	GVG cơ sở	0382798218	CN: 11A9; Dạy 10A1, 10A2, 11A5, 11A6, 11A9 ; TC: 2	16	10A1, 10A2	Vật lý	06 tiết
13	Nguyễn Thị Dung	Vật lý	Thạc sỹ	GVG cơ sở	0974819766	CN: 12A1; Dạy 12A1, 12A10, 12A2, 12A4, 12A9; TC: 2	16	12A1, 12A2	Vật lý	06 tiết
14	Tổng Ngọc Thắng	Vật lý	Đại học	GVG cơ sở	0359995436	Dạy: 12A3, 12A5, 12A6, 12A7, 12A8; TC: 2, CNTT, PM: 4	16		Vật lý	03 tiết
15	Nguyễn Thị Hạ	Vật lý	Đại học	GVG cơ sở	0978458927	TTCM; Dạy 11A1, 11A10, 11A2, 11A3; TC: 6	17	11A1, 11A2	Vật lý	06 tiết
16	Đào Thị Tiên	Sinh học	Đại học	GVG cơ sở	0918187286	CN: 12A9; Dạy 12A1, 12A2, 12A7, 12A9 ; TC: 2; TPTCD: 3	17	12A1, 12A2	Sinh học	06 tiết
17	Trần Thị Thơ	Hóa học	Đại học		0977389545	CN: 10A1; Dạy	17	10A1,	Hóa	06 tiết

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	NĂng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
				GVG cơ sở		10A1, 10A10, 10A2, 10A3; TC: 3; TPCM: 01; CĐT; 1		10A2, 10A3	học	
18	Trần Văn Tấn	Hóa học	Đại học	GVG cơ sở	0984532986	CN: 12A2; Dạy: 12A1, 12A2, 12A5, 12A6, 12A7, 12A8; TC; 01	17	12A1, 12A2	Hóa học	06 tiết
19	Tạ Văn Đại	Hóa học	Thạc sỹ	Khá	0382501716	CN: 11A2; Dạy: 11A1, 11A2, 12A10, 12A3, 12A4, 12A9 ; TC: 1	17	11A1, 11A2	Hóa học	06 tiết
20	Bùi Thị Nho	Hóa học	Đại học	Khá	0399097368	Dạy: 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A9, 11A10	17		Hóa học	0 tiết
21	Nguyễn Thị Thu Giang	Ngữ văn	Đại học	GVG cơ sở	0966563127	CN: 10A6; dạy 10A10, 10A3, 10A4, 10A6 ; TPCM: 1	17	10A10, 10A4, 10A6	Ngữ văn	09 tiết
22	Nguyễn Thị Hải Quyên	Ngữ văn	Đại học	Khá	0989215916	Dạy 11A2, 11A3, 11A5, 11A8	16	11A3, 11A5, 11A8	Ngữ văn	09 tiết
23	Dương Thị Luyến	Ngữ văn	Đại học	GVG cơ sở	0397842669	Dạy: 11A1, 11A6, 11A7, 11A10,	16	11A6, 11A7, 11A10	Ngữ văn	06 tiết
24	Nguyễn Thị Kim	Ngữ văn	Thạc sỹ	Khá	0978242373	CN: 10A5; Dạy:	16	10A5,	Ngữ	06 tiết

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	Năng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
	Chi					10A1, 10A5, 11A9; TC: 1; CĐT:01		11A9	văn	
25	Nghiêm Thị Ngọc Thương	Ngữ văn	Đại học	GVG cơ sở	0986890084	CN: 11A4; dạy: 11A4, 12A6, 12A10 ; TC:1; TTCM: 3	17	11A4, 12A6, 12A10	Ngữ văn	09 tiết
26	Nguyễn Thị Tới	Ngữ văn	Đại học	GVG cơ sở	0974742839	CN: 12A5; Dạy: 12A1, 12A4, 12A5, 12A8	16	12A1, 12A4, 12A5, 12A8	Ngữ văn	06 tiết
27	Nguyễn Thị Bình	Ngữ văn	Đại học	GVG cơ sở	0989866626	Dạy: 12A2, 12A3, 12A7, 12A9; con nhỏ: 03	15	12A2, 12A3, 12A7, 12A9	Ngữ văn	09 tiết
28	Nguyễn Thị Huyền	Ngữ văn	Đại học	GVG cơ sở	0982128977	CN:10A7; Dạy 10A2, 10A7, 10A8, 10A9	16	10A7, 10A8, 10A9	Ngữ văn	09 tiết
29	Nguyễn Huy Hùng	Ngữ văn	Đại học	Khá	0988127067	TC: 17	17		Ngữ văn	0 tiết
30	Dương Mạnh Hùng	Lịch sử	Thạc sỹ	GVG tỉnh	0983410199	TTCM: 4; Dạy: 10A1, 10A10, 10A6, 10A7, 10A9, 11A4, 11A8, 12A10, 12A7, 12A9	16	12A7, 12A9, 12A10	Lịch sử	09 tiết

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	Năng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
31	Đào Thị Hồng Vỹ	Lịch sử	Thạc sỹ	GVG cơ sở	0386431245	CN: 12A4; Dạy: 11A1, 11A10, 11A2, 11A3, 11A5, 11A6, 11A7, 11A9, 12A4, 12A5	16	12A4, 12A5	Lịch sử	06 tiết
32	Quách Thị Thuyết	Lịch sử	Đại học	GVG cơ sở	0982780265	CN: 10A8; Dạy 10A2, 10A3, 10A4, 10A5, 10A8, 12A3, 12A6, 12A8	15	12A3, 12A6, 12A8	Lịch sử	06 tiết
33	Ngô Xuân Trường	T.Anh	Đại học	Khá	0986460486	Dạy: 10A10, 10A7, 10A8; TC: 06	15	10A7, 10A8, 10A10,	T.Anh	09 tiết
34	Nguyễn Thị Lan	T. Anh	Đại học	GVG cơ sở	0979942403	TTCM: 03; CN: 10A9; Dạy 10A1, 10A6, 10A9; TC: 01	17	10A1, 10A6, 10A9	T. Anh	09 tiết
35	Nguyễn Thị Hương	T. Anh	Đại học	Khá	0983454352	Dạy: 11A10, 11A5, 11A8, 11A9; TC: 04	16	11A10, 11A5, 11A8, 11A9	T. Anh	09 tiết
36	Trần Diệu Linh	T. Anh	Đại học	GVG cơ sở	0983663360	CN: 10A3; Dạy: 10A2, 10A3, 10A4, 10A5	16	10A2, 10A3, 10A4, 10A5	T. Anh	09 tiết
37	Nguyễn Thị Hiên	T. Anh	Đại học	GVG cơ sở	0944027495	Dạy: 11A2, 11A4, 11A6, 11A7; TC: 3;	16	11A2, 11A4,	T. Anh	09 tiết

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	Năng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
						CĐT; 1		11A6, 11A7		
38	Dương Thị Chinh	T. Anh	Đại học	GVG cơ sở	0979613556	Dạy: 11A1, 12A4, 12A5, 12A9; TC: 3	15	11A1, 12A4, 12A5, 12A9	T. Anh	09 tiết
39	Nguyễn Thị Hồng Liên	T. Anh	Đại học	GVG cơ sở	0349582565	CN: 11A3; Dạy: 11A3, 12A3, 12A6, 12A8	16	11A3, 12A3, 12A6, 12A8	T. Anh	09 tiết
40	Nguyễn Thị Phương Lan	T. Anh	Đại học	GVG cơ sở	0374456828	TCCĐ; 03; TPCM: 01 ; Dạy 12A1, 12A10, 12A2, 12A7; TC: 01	17	12A1, 12A2, 12A7, 12A10	T. Anh	09 tiết
41	Nguyễn Văn Xuyên	Địa lý	Đại học	GVG cơ sở	0384425468	Dạy: 11A1, 11A4, 12A10, 12A2, 12A6, 12A7, 12A9; TTr, Thư kí: 04	11	12A6, 12A7, 12A9, 12A10	Địa lý	09 tiết
42	Ngô Thị Ninh	Địa lý	Đại học	GVG cơ sở	0945523384	CN: 11A5; Dạy: 11A2, 11A5, 12A1, 12A3, 12A4, 12A5, 12A8 CĐT: 01	12	12A4, 12A5, 12A8	Địa lý	09 tiết
43	Trần Thị Hòa	GCDC	Đại học	GVG cơ sở	0987062336	CN: 11A6; Dạy: 11A2, 11A3, 11A4, 11A5, 11A6, 11A7, 11A8, 11A9,	15	12A10, 12A6, 12A7	GCDC	06 tiết

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Trình độ	NĂng lực CM	ĐT liên hệ	Nhiệm vụ	Tổng số tiết/tuần ²	Phân công dạy thêm		
								Lớp	Môn	Tổng số tiết/tuần
						12A10, 12A6, 12A7				
44	Trần Thị Thảo	GDCD	Đại học	GVG cơ sở	0788230123	CN: 12A8; Dạy: 10A1, 10A10, 10A2, 10A7, 11A1, 11A10, 12A1, 12A4, 12A8; TPCM; 01	14	12A1, 12A4, 12A8	GDCD	06 tiết
45	Nguyễn Thị Lan	GDCD	Đại học	GVG cơ sở	0983181079	CN: 10A4; Dạy: 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A8, 10A9, 12A2, 12A3, 12A5, 12A9	14	12A3, 12A5, 12A9	GDCD	09 tiết

Phụ lục II
SỐ HỌC SINH ĐĂNG KÍ HỌC THÊM

1. Giáo dục kỹ năng sống: 1256 học sinh

2. Dạy thêm các môn văn hóa:

*** Khối 10, 11:**

Lớp	Số số	Số lượng từng môn							
		Củng cố, nâng cao kiến thức							
		Toán	Văn	T. Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
10A1	38	38	0	38	38	38			
10A2	38	38	0	38	38	38			
10A3	37	37	0	37	37	37			
10A4	43	43	43	43	0	0			
10A5	43	43	43	43	0	0			
10A6	44	44	44	44	0	0			
10A7	45	45	45	45	0	0			
10A8	45	45	45	45	0	0			
10A9	42	42	42	42	0	0			
10A10	43	43	43	43	0	0			
Tổng	418	418	305	418	113	113	0	0	0
11A1	44	44	0	44	44	44			
11A2	44	44	0	44	44	44			
11A3	40	40	40	40	0	0			
11A4	42	42	42	42	0	0			
11A5	43	43	43	43	0	0			
11A6	43	43	43	43	0	0			
11A7	41	41	41	41	0	0			
11A8	41	41	41	41	0	0			
11A9	42	42	42	42	0	0			
11A10	42	42	42	42	0	0			
Tổng	422	422	334	422	88	88	0	0	0

*** Khối 12**

Lớp	Số lượng từng môn								
	Tốt nghiệp THPT								
	Toán	Văn	T. Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GDCD
12A1	44	44	44	44	44	44	0	0	0
12A2	43	43	43	43	43	43	0	0	0
12A3	41	41	41	0	0	0	41	41	41
12A4	41	41	41	0	0	0	41	41	41
12A5	41	41	41	0	0	0	41	41	41
12A6	42	42	42	0	0	0	42	42	42
12A7	42	42	42	0	0	0	42	42	42
12A8	42	42	42	0	0	0	42	42	42
12A9	41	41	41	0	0	0	41	41	41
12A10	39	39	39	0	0	0	39	39	39
TỔNG	416	416	416	87	87	87	329	329	329